

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Ông Nguyễn Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20A/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Minh K, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 87, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

Bị đơn: Bà A, sinh năm 1975. Nơi cư trú: 16539 Densmore Ave N Shoreline, WA 98133 USA. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2021, nguyên đơn Tạ Minh K trình bày như sau:
Qua quen biết, ông Tạ Minh K và bà A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/01/2010. Sau khi kết hôn bà A về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc còn ông K ở lại Việt Nam, từ khi kết hôn bà A có quay lại Việt Nam vài lần. Do vợ chồng ít sống gần nhau nên chỉ hỏi thăm qua điện thoại trong thời gian dài cho nên làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, ông K đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng sau đó ông K rút đơn khởi kiện vì mong muốn vợ chồng được hàn gắn nhưng đến nay không thể hàn gắn được nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà A.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn A: Ngày 05/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 93/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện, thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho bà A. Ngày 10/12/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã nhận được Công văn số 3424/BTP-PLQT ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp nêu trên do Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp vì không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu, đồng thời không thể xác định được địa chỉ đương sự đang cư trú.

Ngày 11/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu ông Tạ Minh K cung cấp địa chỉ khác của bị đơn A do không thực hiện được việc tổng đạt cho bà A theo địa chỉ trước đây nguyên đơn đã cung cấp. Tuy nhiên, ông K có bằng tường trình về việc không cung cấp được địa chỉ khác của bà A và yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo đối với bà A trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5).

Ngày 11/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 14/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - Đài tiếng nói Việt Nam đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn A 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho bà A đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 09/5/2022, nếu bà A vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 30/5/2022 nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của bà A và bà A cũng không có mặt tại phiên xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 5 Điều 469, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 25 Điều 3, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Minh K, cho ông K được ly hôn với bà A; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có; ông K phải chịu án phí, chi phí ủy thác tư pháp và chi phí đăng tin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Tạ Minh K và bà A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều

469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Tạ Minh K có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn A đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện, thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, hồ sơ ủy thác tư pháp nêu trên không thực hiện được do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu, do đó, Tòa án tiến hành Tòa án đăng tin thông báo đối với bà A trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà A và bà A cũng không có mặt tại Việt Nam để tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn, không giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung của ông Tạ Minh K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Trích lục kết hôn ngày 10/6/2021 thì ông K và bà A đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/01/2010, do đó hôn nhân giữa ông K và bà A là hợp pháp.

Ông K xác định sau khi kết hôn, bà A về Hoa Kỳ sinh sống còn ông K ở lại Việt Nam. Do vợ chồng ít sống gần nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trước đây ông K có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng sau đó ông K rút đơn khởi kiện vì mong muốn vợ chồng được hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được nên nay ông K tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông K được ly hôn với bà A. Xét thấy, ông K và bà A không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay ông K sống ở Việt Nam còn bà A sống ở Hoa Kỳ, cả hai không còn liên lạc với nhau. Do ông K và bà A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho ông K ly hôn với bà A là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Ông K phải chịu chi phí ủy thác tư pháp, chi phí đăng tin và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 153; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm c khoản 6 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tạ Minh K.
 - Về hôn nhân: cho ông Tạ Minh K được ly hôn với bà A.
 - Về con chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.
 - Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Ông Tạ Minh K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003369 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông Tạ Minh K đã nộp đủ.

- Về chi phí tố tụng:

Ông Tạ Minh K phải chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003372 ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông Tạ Minh K đã nộp đủ.

Ông Tạ Minh K phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 95 USD (Chín mươi lăm đô la Mỹ), ông Tạ Minh K đã nộp đủ.

Ông Tạ Minh K phải chịu chi phí đăng tin thông báo là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), ông Tạ Minh K đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND TVL: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư

